

VỀ QUAN ĐIỂM THÍCH LÊN GIÁ TIỀN TA

VŨ NGỌC NHUNG

Nhân dịp cơn sốt giá USD gần gũi vài ngày của kiếp phù du và cách chỉ đạo giá USD của tỷ giá chỉ đạo bất động tôi thấy cần bàn tiếp về các quan điểm xoay quanh vấn đề tỷ giá, nguyên nhân của tỷ giá chỉ đạo trái quy luật và hình như khác với chủ trương điều chỉnh

bổ một câu đầy uy tín: Việt bank bán ra toàn bộ số USD mua nhiều hơn bán theo giá này (thấp hơn giá thị trường). Như vậy thực chất là bán bao sân cho các nhà nhập khẩu theo giá rẻ hơn giá thị trường, ưu ái cho nhập khẩu.

Kết quả là giá USD năm đó đã hạ 0,3% trong khi chỉ số giá cả vẫn còn là lạm phát ở mức 5,2%. Giá USD của các ngân hàng quốc doanh từ chỗ luôn cao hơn giá thị trường đã tụt xuống thấp hơn giá thị trường. Khi một số nhà khoa học và nhà kinh tế phê phán cách can thiệp thường xuyên này theo hướng không có lợi cho xuất khẩu, mãi tới tháng 6.1994

USD lên của Chính phủ (chủ trương này được công bố tại Hội nghị Giám đốc ngân hàng ngày 16 và 17.9.1996). Từ đó đến nay tỷ giá chỉ đạo vẫn chưa nhích lên mà còn tụt xuống như đã nói trên. Tính bảo thủ này thể hiện qua các hội thảo và trao đổi, tranh luận trên báo chí.

Trong nhiều cuộc hội thảo không một ai dám nhận là mình theo quan điểm lên giá tiền ta nên cách lập luận của quan điểm này thường mơ mơ hồ hồ hiểu theo cách nào cũng được. Ví dụ họ nói không phá giá tiền ta có thể hiểu là lên giá tiền ta hay không phá giá cũng không lên giá; và thực tế là lên giá tiền ta kéo dài gần 4



nhích giá USD lên của Chính phủ.

Năm 1993, quan điểm thích lên giá tiền ta xuất hiện ở hai trung tâm giao dịch ngoại tệ. Giá USD ở hai trung tâm này luôn thấp hơn giá thị trường đã gây nên tình trạng đăng ký mua nhiều hơn bán. Đại diện ngân hàng nhà nước tại các phiên giao dịch luôn chờ cho giá USD được nâng lên dần khi gần sát giá thị trường là tuyên

giá USD của nhà nước mới tăng luôn 2% trong một tháng để chuyển từ chỗ thấp hơn sang cao hơn giá thị trường. Dù tăng một mạch 2% nhưng giá USD ngoài thị trường vẫn ổn định.

Tôi cần nhắc lại lịch sử như trên để chứng minh là thay đổi giá USD chỉ đạo đúng quy luật không ảnh hưởng xấu tới giá cả nói chung và tỷ giá nói riêng và vì vừa qua tỷ giá chỉ đạo lại bị hạ từ 11.030đ xuống 11.027đ sau khi trên *Thời báo Ngân hàng* đã công bố chủ trương điều chỉnh giá USD nhích lên, nguyên văn là: Tôi không rõ ý nghĩ của người ký công bố tỷ giá chỉ đạo tụt xuống, nhưng suy theo cách làm như vậy phải nói rằng đó là tiếp tục cách làm kích tiền ta lên giá của quan điểm thích lên giá tiền ta.

Quan điểm thích lên giá tiền ta rõ ràng có tính bảo thủ rất cao gần như ngược lại chủ trương nhích giá

năm.

Tỷ giá thực là điểm chuẩn để xác định các quan điểm khác nhau về chính sách tỷ giá:

1. Lên giá tiền ta là chỉ đạo tỷ giá luôn thấp hơn tỷ giá thực, thấp hơn giá thị trường.

2. Không phá giá cũng không lên giá là định tỷ giá ngang với tỷ giá thực.

3. Phá giá nhẹ là định tỷ giá cao hơn tỷ giá thực ở mức không có hại cho việc kiềm chế lạm phát với mức cao hơn khoảng 0,5% đến 1%.

4. Phá giá mạnh là định tỷ giá cao hơn hẳn tỷ giá thực, ví dụ có chuyên giá nước ngoài khuyến ta nên đưa tỷ giá lên 18.000đ - 20.000đ/USD hay tăng vọt tới 65% - 80% so với hiện nay.

Quan điểm thích lên giá tiền ta thường dùng lập luận phá giá sẽ gây lạm phát để phản đối quan điểm phá

giá nhẹ. Tôi biết rất nhiều bạn đọc tin ở lập luận này, nhưng cả về khoa học lẫn kiểm chứng trong thực tế, lập luận này đều không chính xác. Thứ nhất là lập luận này gộp cả phá giá mạnh vào phá giá nhẹ để bạn đọc dễ bị nhầm lẫn. Phá giá mạnh có thể làm phát nặng thêm vì nó làm giá nhập khẩu tăng đột ngột và kích giá cả tăng lên ở các nước sống dựa vào nhập khẩu. Nhưng phá giá nhẹ với mức 0,5% đến 1% thì hoàn toàn không thể đưa lạm phát từ một con số lên hai con số.

Kiểm chứng trong thực tế năm 1991 chúng ta bị một cơn phá giá mạnh ngoài ý muốn với cường độ 204% đưa lạm phát lên 67% mặc dù khối tiền lưu thông chỉ tăng 49%. Như vậy nói chính xác thì phá giá mạnh chỉ làm chúng ta không giảm lạm được lạm phát so với năm 1990 (cũng ở mức 66,7%). Sang năm 1992 lạm phát lại giảm xuống 17,5%. Như vậy quan điểm thích lên giá tiền ta đã thổi phồng lạm phát thành cơn ngáo ộp để làm cho bạn đọc nhầm lẫn. Trung Quốc đầu năm 1994 cũng đã công bố phá giá đồng nhân dân tệ trong một ngày 1.1.1994 tới 41%, lạm phát ở Trung Quốc năm đó lên tới 21,7% nhưng năm sau đã giảm xuống còn 17% (báo cáo Tình hình phát triển thế giới năm 1996 của Ngân hàng thế giới).

Lập luận có thể coi là vững chắc nhất của quan điểm thích lên giá tiền ta là cho rằng ta phải nhập khẩu thiết bị sản xuất và tới 80% nguyên liệu cho sản xuất trong nước vì vậy nếu phá giá sẽ đẩy yếu tố khấu hao và chi phí về nguyên liệu trong giá thành sản phẩm lên từ đó tăng lạm phát. Đây là một kiểu nội suy giản đơn nhưng thực tế lại không diễn biến như vậy. Giá USD thấp mấy năm nay đã không kìm giữ được giá phân bón. Cho nên muốn kết luận về vấn đề này cần phải có sự kiểm chứng kỹ lưỡng trong thực tế.

Chỉ cần lật ngược vấn đề là "phải chăng chỉ cần có tỷ giá thấp là kiểm chế được lạm phát?", chúng ta sẽ thấy ngay suốt thời kỳ bao cấp chúng ta đã thi hành chính sách tỷ giá cực thấp chỉ bằng 1/10 giá thị trường nhưng lạm phát kéo dài và cuối cùng là lạm phát phi mã.

Quan điểm "thích lên giá tiền ta" không muốn liên hệ với thực tế là sau gần 4 năm lên giá tiền ta một số nguyên liệu thiết yếu đã không đứng lại theo giá USD mà tăng với tốc độ cao như phân bón.

Điều nguy hiểm là khi nói không phá giá thì thực tế chúng ta bị rơi vào tình trạng lên giá tiền ta ngày càng trầm trọng. Về mặt khoa học phải nói thật rõ ràng: "không phá giá cũng không lên giá". Tất nhiên phải hiểu

đúng đây là giữ tỷ giá danh nghĩa ngang với tỷ giá thực (13.400đ) được tính theo ngang giá sức mua hay theo nguyên tắc "cân bằng sức mua nội tệ và ngoại tệ".

Để tiền ta lên giá đã gần 4 năm nay (từ 1993) là điều không có lợi cho nền kinh tế. Nhưng tác hại của việc lên giá tiền tệ đã được kiểm chứng không chỉ trong nước ta mà còn ở hầu

sang mức nhập siêu tới 233.300 triệu бат năm 1992, 225.270 triệu бат năm 1994 và 233.979 triệu бат năm 1995.

Ngược lại Hàn Quốc, trong các năm 1978 - 1984 bắt đầu cắt cánh như nước ta hiện nay, đã có chính sách phá giá nhẹ nên nhập siêu đã giảm liên tục và chấm dứt vào năm 1982 như bảng sau cho thấy:

Bảng 3: Tình hình xuất nhập khẩu của Hàn Quốc (tỷ won)

Năm	1978	1979	1980	1981	1982	1983	1984
Xuất khẩu	6152	7287	10633	14475	15976	18963	23570
% tăng	7264	18.45%	45.92%	36.13%	10.37%	18.70%	24.29%
Nhập khẩu	-1112	9844	13541	17796	17730	20318	24690
% tăng		35.52%	37.56%	31.42%	-0.37%	14.60%	21.52%
Nhập siêu		-2557	-2908	-3321	-1754	-1355	-1120
% so sánh		129.95%	13.73%	14.20%	-47.18%	-22.75%	-17.34%
Tỷ giá won/USD	484	484	659	700	748	795	827
So với tỷ giá thực		426.86	484	724.06	732.16	733.13	719.09
% so sánh với 1978		100%	136%	144,6%	154.5%	164.2%	170,8%

Nguồn: *Thống kê tài chính quốc tế* của IMF quyển 38 tháng 4.1995.

hết các nước. Thái Lan là nước đã giữ được tỷ giá hầu như không biến động từ năm 1987. Nguyên nhân là do tỷ lệ lạm phát của Thái Lan được giữ ở mức tương đương với nước Mỹ với mức 184,15% so với 183% từ năm 1979 tới năm 1990. Vì vậy tỷ giá danh nghĩa và tỷ giá thực xấp xỉ bằng nhau. Nhưng từ những năm 90 thì tình hình đã đổi khác, tỷ giá danh nghĩa đã thấp hơn tỷ giá thực như các bảng sau đây cho thấy:

Song song với tình hình nhập siêu ngày càng giảm là tỷ giá đồng won so với USD ngày càng tăng lên như dòng cuối bảng. Tỷ giá thực các năm 1983 trở đi đều thấp dưới tỷ giá thực chứng tỏ sự chuyển hướng từ lên giá tiền tệ sang phá giá nhẹ.

Tôi nghĩ rằng giữa các quan điểm khác nhau, muốn biết điểm nào đúng điểm nào chưa thật đúng chúng ta cần kiểm chứng lại trong thực tế. Nhất là không thể cứ lập lại những ý phát biểu từ năm 1993 khi tình hình 1996

Bảng 1: Tỷ giá của đồng бат Thái Lan

Năm	Tỷ giá бат/USD	Năm	Tỷ giá бат/USD	Năm	Tỷ giá бат/USD
1979	20.39	85	26.65	91	25.28
80	20.42	86	26.13	92	25.52
81	2.63	87	25.07	93	25.54
82	23	88	25.24	94	25.90
83	23	89	25.69	95	25.09
84	27.15	90	25.29		

Bảng 2: So sánh tỷ giá đồng бат Thái Lan với tỷ giá thực:

Năm	Tỷ lệ lạm phát so với		Tỷ lệ lạm phát của Mỹ so với		Tỷ giá danh nghĩa	Tỷ giá thực
	năm trước	năm 1979	năm trước	năm 1979		
90	5.87%	184.15%	5.40%	183.3%	25.29	25.80
91	5.71%	194.67%	4.28%	192.0%	25.28	25.64
92	4.00%	202.46%	3.00%	200.5%	25.52	25.53
93	4.30%	211.16%	3.07%	208.7%	25.54	25.83
94	4.60%	220.87%	2.50%	216.4%	25.90	26.06
95	4.30%	230.37%	3.50%	228.6%	25.09	26.10

Nguồn: *Thống kê tài chính quốc tế* của IMF

Như vậy chỉ cần đồng Bat lên giá từ 2% năm 1990 đến 4% năm 1995, Thái Lan đã chuyển từ nhập siêu vài chục triệu USD hai thập kỷ trước

đã thay đổi rất nhiều. Có như vậy mới có thể tìm ra những giải pháp đúng cho đất nước.